

LẬP LUẬN TRONG TÁC PHẨM TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

THE ARGUMENT IN PRESIDENT HO CHI MINH'S DECLARATION OF INDEPENDENCE

NGUYỄN TÙNG BẢO THANH^(*) TRẦN THANH NGUYỄN^(**)

^(*)Trường Cao đẳng Phát thanh – Truyền hình 2, nguyentungbaothanh@vov.edu.vn

^(**)Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, ttnguyen@iemh.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 20/3/2018 Ngày nhận lại: 23/5/2018 Duyệt đăng: 16/7/2018 Mã số: TCKH18-B7-2018 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: Tuyên ngôn độc lập, lập luận hiệu quả, lý lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng.</p> <p>Key words: Declaration of independence, effective argumentation, persuasive arguments, reliable evidence.</p>	<p><i>Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tác phẩm kinh điển được đưa vào giảng dạy trong các chương trình giáo dục phổ thông hiện nay. Không chỉ có giá trị lịch sử, diễn ngôn này còn là một tác phẩm văn học có giá trị lập luận cao, thể hiện qua lý lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng và các phương thức lập luận hiệu quả.</i></p> <p>ABSTRACTS</p> <p><i>The declaration of independence of Ho Chi Minh President is a historical work that is taught in the current curriculum. Not only having historical value, the declaration is also a highly literary work which is expressed by persuasive arguments, reliable evidence and effective means of argumentation.</i></p>

1. MỞ ĐẦU

Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người nghe (đọc) đến một kết luận nào đó mà người nói (viết) muốn đạt tới. Để lập luận đạt hiệu quả, cần xác định được luận điểm chính xác, minh bạch, tìm các luận cứ (lí lẽ và bằng chứng) thuyết phục và vận dụng các thao tác lập luận hợp lí (giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ...). Về việc này, có thể khẳng định *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn bản diễn thuyết có giá trị lịch sử, giá trị tư tưởng, đồng thời là một tác phẩm văn học có giá trị lập luận cao.

2. NHỮNG PHƯƠNG THỨC TẠO HIỆU QUẢ LẬP LUẬN TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

2.1. Lý lẽ vững chắc

Lý lẽ và lập luận có mối quan hệ biện chứng với nhau, bổ sung và là kết quả của nhau. Nếu lý lẽ rõ ràng, minh bạch, thì lập luận lô gích, khúc chiết, có sự thuyết phục cao và ngược lại. Lý lẽ là nền tảng, là cơ sở của lập luận. Do vậy, muốn lập luận hiệu quả thì một trong những yêu cầu quan trọng và cần thiết hàng đầu là phải đưa ra được lý lẽ vững chắc.

Hệ thống lý lẽ được sử dụng trong tác phẩm *Tuyên ngôn độc lập* là:

Phần mở đầu nêu lên nguyên lý chung về quyền bình đẳng và tự do của con người: “Hỡi đồng bào cả nước. Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong các quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”. Lý lẽ ở đây đề cao những giá trị hiển nhiên của tư tưởng nhân đạo vì thế trở nên hết sức thuyết phục, tạo tiền đề cho lập luận ở phần sau.

- Phần tiếp theo tố cáo tội ác của thực dân và khẳng định thực tế lịch sử nhân dân ta đã kiên trì đấu tranh giành độc lập: Hơn 80 năm nay, bọn thực dân đã đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Đây là phần chứng minh cho nguyên lý đã nêu ở trên.

Phần kết là lời tuyên ngôn độc lập và tuyên bố ý chí bảo vệ nền tự do, độc lập đó: “Vi những lẽ trên [...]. Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Một hệ thống lý lẽ như vậy có giá trị lập luận rất cao. Như Đỗ Hữu Châu đã nhận định: “*Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hệ thống của những lập luận bộ phận, các lập luận đó liên kết với nhau, lập luận trước dẫn đến lập luận sau, tất cả tạo nên một vận động đi tới kết luận cuối cùng” (Đỗ Hữu Châu, 2001, tr.157).

Hệ thống lý lẽ đó còn được minh định vững chắc bởi những bằng chứng lịch sử xác thực như trong phần phân tích dưới đây.

2.2. Những bằng chứng xác thực

Một là, nguyên lý chung về quyền bình đẳng và tự do của con người được tác giả xác lập trên cơ sở thực tế từ *Bản tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ năm 1776 và bản *Tuyên ngôn Nhân*

quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791. Đây là những bản tuyên ngôn nổi tiếng của những quốc gia hàng đầu trên thế giới. Những quốc gia vốn đại diện cho công lý, nhân quyền đã công nhận quyền tự do và bình đẳng của dân tộc mình thì đương nhiên cũng phải công nhận quyền tự do và bình đẳng của các dân tộc trên thế giới. Đây là lẽ phải mà mọi người phải thừa nhận “không ai chối cãi được”.

Hai là, lời tố cáo tội ác của thực dân được minh chứng bằng những sự kiện thực tế và lịch sử: Về chính trị: Chúng không cho nhân dân ta một chút tự do, thi hành pháp luật dã man, mở nhiều nhà tù hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, làm suy nhược nòi giống ta. Về kinh tế: Chúng bóc lột đến xương tủy, cướp không ruộng đất, hầm mỏ, độc quyền in giấy bạc, xuất nhập cảng, đặt ra hàng trăm thứ thuế. Về ngoại giao: Chúng quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Kể tự nhận là đại diện cho tự do, bình đẳng, bác ái, khi được kêu gọi liên minh để chống Nhật thì đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng v.v.

Ba là, lời khẳng định quyền độc lập của dân tộc được xác lập trên bằng chứng từ thực tế lịch sử: Chính nhân dân ta đã kiên trì đấu tranh giành được độc lập. “Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật”, “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm, đánh đổ chế độ quân chủ để lập nên chế độ dân chủ cộng hòa. Lời tuyên ngôn độc lập được hội đủ các cơ sở pháp lý và thực tiễn: Để tuyên ngôn về quyền độc lập của một dân tộc, về chủ quan, dân tộc đó phải có chung một khát vọng tự do, độc lập và ý chí bảo vệ quyền tự do độc lập ấy, về khách quan, dân tộc đó phải không lệ thuộc vào bất cứ một thế lực chính trị nào.

Lập luận vốn là hành vi ở lời có đích thuyết phục, nhưng không phải hề có lập luận

là có sức thuyết phục. Như đã nói lập luận phải có lý lẽ và bằng chứng mới có thể thuyết phục được người nghe, người đọc. Những bằng chứng được đưa ra như đã dẫn ở trên cho thấy sức thuyết phục của *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ ở lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo mà còn nhờ vào những dẫn chứng xác thực từ thực tế lịch sử.

2.3. Các thao tác lập luận hợp lý

Trong lập luận, việc sử dụng các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận,... đúng chỗ, đúng lúc sẽ phát huy được tác dụng trong việc nâng cao hiệu quả lập luận. Giải thích là cắt nghĩa một sự vật, hiện tượng, khái niệm để người khác hiểu rõ, hiểu đúng vấn đề. Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để đi sâu xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng. Chứng minh là dùng sự việc hoặc lí lẽ để làm cho người ta thấy rõ là đúng, là có thật. So sánh là làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu trong mối tương quan với đối tượng khác. Bình luận là bàn bạc, nhận xét, đánh giá về một vấn đề. Bác bỏ là dùng lí lẽ và chứng cứ để phê phán, gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác... từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe.

Có thể khẳng định *Tuyên ngôn độc lập* cho ta thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc thầy trong việc sử dụng các thao tác lập luận. Dưới đây là một vài minh chứng cụ thể cho điều này.

Mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn nội dung quan trọng trong hai bản Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp làm luận cứ cho lập luận của mình. Tự do, bình đẳng, bác ái là nhân quyền mà chính bọn thực dân đã giương cao ngọn cờ trên thế giới, thế mà chúng đã phản bội và chà đạp lên nguyên lí của nhân loại và lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để che giấu những hành vi "trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa". Trong tranh luận, để bác bỏ luận điệu của một đối thủ, không gì thú

vị và đích đáng hơn là dùng lý lẽ của chính đối thủ ấy. Bằng cách này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" một cách sắc sảo và hiệu quả.

Bối cảnh bấy giờ, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc; phát xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ, đã đầu hàng đồng minh; trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền. Cùng vào thời gian đó nhà cầm quyền Pháp tuyên bố: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị quân Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên thuộc quyền "bảo hộ" của người Pháp. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* cũng đã cương quyết bác bỏ luận điệu này: "Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật", "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị", "dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập". Lập luận bác bỏ ở đây rất chặt chẽ nhằm phủ định chiêu bài "bảo hộ" của thực dân Pháp, đồng thời là cơ sở chắc chắn cho việc khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam.

Trong lập luận, bác bỏ có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau: Dùng lý lẽ bác bỏ trực tiếp, phê phán những sai trái, phân tích những tác hại, so sánh với lợi ích, nêu lên quan niệm đúng đắn...

Tuyên ngôn Độc lập đã liệt kê những tội ác của thực dân đối với đất nước ta và phân tích các biểu hiện cụ thể ở từng lĩnh vực chính trị, kinh tế và ngoại giao: Chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào; chúng thi hành những luật pháp dã man; chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học; chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy; chúng quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật,...

Tuyên ngôn Độc lập cũng so sánh, chỉ ra những trái ngược giữa lời nói và hành động của thực dân: Chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật, chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh, lợi dụng lá cờ tự do, bình

đăng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Việc so sánh hành vi nhẫn tâm của thực dân khi thua chạy đã giết số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng với hành động của Việt Minh giúp bảo vệ tính mạng và tài sản của nhiều người Pháp đã thể hiện rõ thái độ khoan hồng, nhân đạo và ca ngợi tinh thần chính nghĩa, khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Trong lập luận, chứng minh là để người ta tin, giải thích là để người ta hiểu, phân tích giúp người ta hiểu biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo, so sánh giúp người ta nhận rõ giá trị của đối tượng trong tương quan với đối tượng khác, bác bỏ là để phủ nhận, bình luận để thuyết phục người nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình. Có thể khẳng định *Tuyên ngôn Độc lập* đã chứng minh cho mọi người thấy rõ tội ác của thực dân, giải thích tội ác đó trên các lĩnh vực, phân tích những biểu hiện cụ thể giúp người đọc nhận rõ luận điệu đối trá, bác bỏ luận điệu đối trá đó; đồng thời so sánh, bàn luận cho thấy sức mạnh và chính nghĩa của dân tộc mà kết luận cuối cùng là để tuyên bố thuyết phục trước toàn thể dân tộc và nhân dân trên thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam.

Ngoài ra, hàng loạt các biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp ngữ, lặp cấu trúc, dùng từ ngữ gợi hình, gợi cảm kết hợp giọng đanh thép, đau xót, phẫn nộ khi tố cáo tội ác của thực dân Pháp, giọng tha thiết, tự hào khi nói về nhân dân; giọng trang trọng, hùng hồn khi tuyên bố

độc lập, v.v. khiến cho *Tuyên ngôn độc lập* có giá trị lập luận cao, sức thuyết phục rất lớn.

Cần nói thêm là, lý lẽ trong *Tuyên ngôn độc lập* vững chắc, thuyết phục không chỉ nhờ vào các yếu tố như đã phân tích ở trên. Sức thuyết phục lớn nhất là bởi *Tuyên ngôn độc lập* được soạn thảo và tuyên bố bởi một con người cả cuộc đời không ngừng phấn đấu, rèn luyện, cống hiến cho dân cho nước. *Tuyên ngôn độc lập* là một áng văn tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và tình cảm của người, đồng thời kết tinh khát vọng cháy bỏng về độc lập, tự do của dân tộc. Xét trong mối quan hệ với các trào lưu tư tưởng lớn của nhân loại ở thế kỷ XX, có thể coi *Tuyên ngôn độc lập* là một tác phẩm kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do của nhân loại.

3. KẾT LUẬN

Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới. Ngôn ngữ hùng hồn tố cáo mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp, chỉ rõ nhân dân ta đã giành độc lập từ tay Nhật, tuyên bố cắt đứt mọi ràng buộc mà thực dân đã áp đặt trên đất nước ta, khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập. Với lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp, tác phẩm thật sự là một áng văn chính luận mẫu mực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2*, Nxb. Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), “*Lý thuyết lập luận*”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, (số 5).
3. Nguyễn Thiện Giáp (2007), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Nguyên Trứ (1999), *Học tập cách viết của Hồ Chủ Tịch*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.